

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT Long Châu Sa

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
1	001	160001	BÙI NGỌC AN	Nam	03/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,2	0,00	6,50	6,00	4,25	
2	001	160002	LÊ SỸ AN	Nam	28/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,0	0,00	6,75	5,00	8,25	
3	001	160003	NGUYỄN ĐỨC AN	Nam	20/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,6	0,00	7,25	7,75	8,50	
4	001	160004	NGUYỄN THỊ NGỌC AN	Nữ	21/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,0	0,00	7,00	7,25	4,50	
5	001	160005	TRẦN ĐỨC AN	Nam	15/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,1	0,00	8,00	8,00	7,50	
6	001	160006	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	13/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	6,8	1,00	6,50	4,50	4,50	CTB2;
7	001	160007	DƯƠNG THỊ LAN ANH	Nữ	02/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	6,6	0,00	5,50	3,00	1,50	
8	001	160008	HOÀNG TUẤN ANH	Nam	17/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,0	0,00	8,00	7,25	6,25	
9	001	160009	NGUYỄN DUY ANH	Nam	27/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,8	7,6	0,00	6,50	6,75	8,50	
10	001	160010	NGUYỄN ĐĂNG CHÂU ANH	Nữ	19/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,0	0,00	8,00	6,50	7,50	
11	001	160011	NGUYỄN KIM ANH	Nữ	02/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,8	6,9	0,00	6,50	4,50	8,00	
12	001	160012	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nam	11/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,6	0,00	7,00	5,00	4,75	
13	001	160013	NGUYỄN THỊ KIM ANH	Nữ	02/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	6,7	0,00	6,75	4,50	4,00	
14	001	160014	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	14/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,0	0,00	8,25	8,75	4,75	
15	001	160015	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	22/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,5	7,8	0,00	7,00	5,50	6,25	
16	001	160016	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	14/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,5	0,00	6,00	4,75	5,50	
17	001	160017	PHÙNG NGỌC ANH	Nữ	09/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,2	0,00	6,50	3,75	6,00	
18	001	160018	TRẦN NGỌC ANH	Nữ	02/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	7,6	0,00	6,50	6,50	3,50	
19	001	160019	BÙI THỊ ÁNH	Nữ	12/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,4	0,00	7,75	4,25	5,75	
20	001	160020	ĐẶNG NGỌC ÁNH	Nữ	08/07/2004	BV Phụ sản Trung ương	Kinh	Tốt	Giỏi	17,4	8,4	0,00	7,75	6,50	9,50	
21	001	160021	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	23/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,6	8,5	0,00	7,00	8,00	8,50	
22	001	160022	BÙI XUÂN BÁCH	Nam	26/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,3	0,00	5,00	7,00	5,25	
23	001	160023	HOÀNG QUỐC BẢO	Nam	04/10/2004	Phú Thọ	Tày	Tốt	Giỏi	15,8	8,0	0,50	7,25	6,75	6,00	DT;
24	001	160024	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	09/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,2	0,00	6,75	7,75	7,00	
25	002	160025	QUÁCH GIA BẢO	Nam	06/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	6,9	0,00	7,00	5,50	8,00	
26	002	160026	PHAM XUÂN BẮC	Nam	13/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,6	0,00	6,50	4,50	6,75	
27	002	160027	NGUYỄN MẠNH BÌNH	Nam	12/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,5	0,00	7,75	7,25	7,75	
28	002	160028	NGUYỄN THỊ BÌNH	Nữ	09/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,6	0,00	7,50	6,75	4,75	
29	002	160029	PHAN NGỌC BÍCH	Nữ	03/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,0	8,7	0,00	7,50	3,50	4,25	
30	002	160030	TRẦN THỊ BÍCH	Nữ	02/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,2	0,00	6,50	4,00	2,75	
31	002	160031	NGUYỄN ĐỨC CẢNH	Nam	17/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,0	0,00	6,25	6,25	6,50	
32	002	160032	KHÔNG HỮU CHÂU	Nam	17/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,3	0,00	7,75	6,75	6,00	
33	002	160033	NGUYỄN HẢI CHÂU	Nam	02/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	6,9	0,00	7,00	3,00	6,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
34	002	160034	VŨ NGỌC LINH CHI	Nữ	16/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,7	8,0	0,00	8,00	5,25	4,25	
35	002	160035	NGUYỄN MINH CHIẾN	Nam	05/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,5	6,2	0,00	6,00	3,00	4,75	
36	002	160036	NGUYỄN VĂN CHÍNH	Nam	23/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	16,1	7,7	0,00	8,00	5,75	6,25	
37	002	160037	NGUYỄN THỊ CHUYỀN	Nữ	13/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	6,8	0,00	6,00	2,50	2,00	
38	002	160038	HOÀNG NGỌC CHUYỀN	Nam	02/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,0	0,00	8,00	3,25	7,75	
39	002	160039	QUÁCH NHƯ CHUYỀN	Nam	31/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	7,4	0,00	7,75	5,50	5,00	
40	002	160040	NGUYỄN ANH CHÚC	Nam	16/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,4	7,7	0,00	6,75	6,25	7,75	
41	002	160041	ĐINH CHIẾN CÔNG	Nam	31/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	6,9	0,00	7,00	3,00	4,50	
42	002	160042	ĐỖ CHÍ CÔNG	Nam	24/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,7	8,0	0,00	7,50	6,00	6,50	
43	002	160043	NGUYỄN ĐỨC CÔNG	Nam	01/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,2	0,00	6,25	6,00	6,75	
44	002	160044	ĐỖ MẠNH CƯỜNG	Nam	11/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,4	0,00	7,00	8,25	5,50	
45	002	160045	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	Nam	16/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,7	8,2	0,00	8,25	8,25	5,75	
46	002	160046	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	07/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,8	8,6	0,00	8,25	9,00	6,50	
47	002	160047	DƯƠNG LÊ THÙY DUNG	Nữ	06/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,7	0,00	8,50	8,25	6,50	
48	002	160048	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG DUNG	Nữ	26/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,2	0,00	6,00	3,75	3,50	
49	003	160049	CAO ĐỨC DUY	Nam	03/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,5	0,00	6,50	4,00	3,00	
50	003	160050	NGUYỄN KHƯƠNG DUY	Nam	04/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,4	0,00	7,50	6,25	7,25	
51	003	160051	BÙI THỊ MỸ DUYỀN	Nữ	19/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,3	0,00	8,50	8,25	8,00	
52	003	160052	LÊ THỊ MỸ DUYỀN	Nữ	25/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	7,3	0,00	8,25	4,00	2,75	
53	003	160053	NGUYỄN NGỌC DUYỀN	Nữ	31/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	7,1	0,00	7,50	4,50	2,50	
54	003	160054	NGUYỄN THỊ NGỌC DUYỀN	Nữ	14/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,5	7,7	0,00	8,00	5,50	7,00	
55	003	160055	PHAN THỊ THU DUYỀN	Nữ	01/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,3	0,00	7,75	7,75	6,00	
56	003	160056	TRẦN MINH DUYỀN	Nữ	05/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,0	0,00	8,25	8,75	8,00	
57	003	160057	CHŨ ĐỨC DŨNG	Nam	07/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,3	6,8	0,00	8,25	5,75	5,25	
58	003	160058	HOÀNG THẠCH MINH DŨNG	Nam	26/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,8	8,4	0,00	8,50	7,50	8,00	
59	003	160059	NGUYỄN HÙNG DŨNG	Nam	02/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,4	0,00	6,50	3,50	7,75	
60	003	160060	NGUYỄN QUANG DŨNG	Nam	24/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,3	0,00	8,00	8,25	8,00	
61	003	160061	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	25/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,2	0,00	8,00	7,00	8,00	
62	003	160062	NGUYỄN KHÁNH DƯƠNG	Nữ	07/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,7	8,5	0,00	8,25	8,75	7,50	
63	003	160063	NGUYỄN MINH DƯƠNG	Nam	28/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	6,8	1,00	7,25	4,25	6,00	CTB2;
64	003	160064	NGUYỄN TRẦN BẠCH DƯƠNG	Nữ	10/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,8	8,0	0,00	8,25	6,25	8,00	
65	003	160065	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Nam	03/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	13,6	6,2	0,00	7,50	3,50	5,75	
66	003	160066	TẠ NAM DƯƠNG	Nam	13/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,0	0,00	7,25	3,00	5,25	
67	003	160067	BÙI THỊ HOA ĐÀO	Nữ	17/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	6,9	0,00	6,75	4,75	5,00	
68	003	160068	PHÍ THỊ THÚY ĐÀO	Nữ	13/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,0	0,00	8,25	4,75	6,50	
69	003	160069	NGUYỄN TIẾN ĐẠO	Nam	06/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	7,7	0,00	7,25	4,50	7,75	
70	003	160070	CHŨ DANH ĐẠT	Nam	06/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	13,0	6,2	0,00	7,00	2,75	5,00	
71	003	160071	CHŨ THÁI ĐẠT	Nam	25/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,0	0,00	8,25	7,25	6,00	
72	003	160072	ĐỖ THÀNH ĐẠT	Nam	02/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,8	0,00	7,00	3,25	1,50	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
73	004	160073	NGUYỄN ĐẮC DUY ĐẠT	Nam	05/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,4	0,00	5,75	6,75	8,50	
74	004	160074	NGUYỄN MANH ĐẠT	Nam	13/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,4	0,00	7,50	4,25	6,25	
75	004	160075	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	Nam	09/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,3	0,00	6,25	6,00	7,00	
76	004	160076	NGUYỄN VĂN ĐẠT	Nam	24/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,0	0,00	6,75	6,75	6,75	
77	004	160077	VƯƠNG QUANG ĐĂNG	Nam	11/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,1	0,00	5,50	2,25	8,25	
78	004	160078	KHÔNG THỊ KIM DIỆP	Nữ	08/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,3	0,00	8,00	5,50	6,25	
79	004	160079	ĐÀO MINH ĐỨC	Nam	27/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	7,7	0,00	6,50	7,75	5,75	
80	004	160080	HOÀNG NGOC ĐỨC	Nam	08/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	6,9	0,00	6,25	5,00	7,75	
81	004	160081	VŨ THẾ ĐỨC	Nam	26/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,8	7,7	0,00	8,00	5,50	7,50	
82	004	160082	ĐOÀN THANH GIANG	Nam	21/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,4	0,00	6,50	5,25	5,75	
83	004	160083	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	14/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,1	0,00	7,75	6,25	6,50	
84	004	160084	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	04/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,8	8,4	0,00	8,00	4,75	8,00	
85	004	160085	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	19/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,4	0,00	7,25	4,75	8,25	
86	004	160086	PHAM HƯƠNG GIANG	Nữ	25/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,6	0,00	7,25	4,00	6,00	
87	004	160087	TRẦN HƯƠNG GIANG	Nữ	13/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,1	0,00	8,75	5,00	5,25	
88	004	160088	CAO PHƯƠNG HÀ	Nữ	08/11/2004	Hà Nội	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,0	0,00	8,25	4,75	6,25	
89	004	160089	ĐỖ THỊ PHAN HÀ	Nữ	02/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,9	8,4	0,00	7,00	6,75	7,25	
90	004	160090	KHÔNG THU HÀ	Nữ	13/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,0	0,00	8,25	6,00	7,50	
91	004	160091	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	01/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,5	8,5	0,00	7,75	5,75	8,00	
92	004	160092	QUÁCH THỊ MINH HÀ	Nữ	04/09/2004	Phú Thọ	Mường	Tốt	Giỏi	16,1	8,4	0,50	7,00	6,25	7,50	DT;
93	004	160093	ĐỖ ĐỨC HẢI	Nam	17/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,6	0,00	7,00	6,25	7,00	
94	004	160094	NGUYỄN ĐẠI HẢI	Nam	06/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	6,9	0,00	6,75	3,25	6,50	
95	004	160095	LÊ THỊ MINH HẢO	Nữ	28/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,3	8,7	0,00	8,00	8,00	7,75	
96	004	160096	NGUYỄN THỊ HẢO	Nữ	25/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,4	0,00	7,00	5,25	6,75	
97	005	160097	NGUYỄN THỊ BÍCH HANH	Nữ	08/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,3	0,00	8,00	3,25	3,75	
98	005	160098	TA THỊ KIM HANH	Nữ	02/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,6	6,5	0,00	6,25	5,00	5,25	
99	005	160099	HOÀNG THỊ THU HẰNG	Nữ	31/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,4	0,00	7,00	4,50	4,25	
100	005	160100	HUỲNH THỊ HẰNG	Nữ	31/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,1	8,2	0,00	8,00	4,25	7,75	
101	005	160101	NGUYỄN NHẬT HẰNG	Nữ	07/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,0	6,6	0,00	7,50	6,50	5,00	
102	005	160102	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	06/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,7	5,7	0,00	4,75	2,75	2,75	
103	005	160103	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	Nữ	03/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,3	0,00	8,00	7,75	6,00	
104	005	160104	BÙI NGỌC HÂN	Nữ	31/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,3	0,00	8,25	6,25	6,50	
105	005	160105	NGUYỄN THỊ HẬU	Nữ	24/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,5	0,00	7,00	4,00	6,50	
106	005	160106	BÙI THỊ THANH HIỀN	Nữ	02/10/2004	Đồng Nai	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,3	0,00	7,00	6,75	7,75	
107	005	160107	ĐẶNG THU HIỀN	Nữ	27/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,0	0,00	8,25	6,25	5,75	
108	005	160108	NGUYỄN THỊ LAN HIỀN	Nữ	02/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,7	9,0	0,00	9,00	8,75	8,50	
109	005	160109	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	16/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,6	0,00	8,00	6,50	4,00	
110	005	160110	NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	Nữ	24/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,3	8,2	0,00	8,00	6,50	7,00	
111	005	160111	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	03/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,6	0,00	7,75	6,25	6,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
112	005	160112	BÙI HUY HIẾU	Nam	05/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,0	0,00	7,25	1,75	7,50	
113	005	160113	HOÀNG THẠCH HIẾU	Nam	04/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	6,5	0,00	7,25	2,50	5,00	
114	005	160114	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	Nam	24/01/2004	Trạm y tế thị trấn Tân Phước Khánh	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,2	0,00	7,25	5,75	8,00	
115	005	160115	PHAN TRUNG HIẾU	Nam	07/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,9	0,00	7,50	6,50	5,50	
116	005	160116	TRIỆU TRUNG HIẾU	Nam	02/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,1	0,00	7,00	5,25	7,75	
117	005	160117	PHAN THỊ HỒNG HOÀI	Nữ	10/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,0	8,4	0,00	8,50	7,50	6,25	
118	005	160118	NGUYỄN ĐÌNH HOÀN	Nam	17/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,1	0,00	7,50	6,75	7,50	
119	005	160119	CHỦ ĐỨC HOÀNG	Nam	23/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	6,6	0,00	7,00	2,00	3,75	
120	005	160120	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	11/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	6,9	0,00	7,00	6,00	7,50	
121	006	160121	PHẠM TRUNG HÒA	Nam	07/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,4	0,00	6,50	5,00	5,25	
122	006	160122	NGUYỄN ĐÌNH HỌC	Nam	28/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	16,1	7,7	0,00	6,25	5,25	8,50	
123	006	160123	NGUYỄN TRIỆU HỒNG	Nữ	04/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,8	7,9	0,00	7,50	5,75	5,00	
124	006	160124	TẠ THỊ BÍCH HỒNG	Nữ	03/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,3	0,00	7,00	5,25	5,25	
125	006	160125	VŨ ÁNH HỒNG	Nữ	06/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,5	8,5	0,00	7,50	5,00	7,00	
126	006	160126	CHỦ TRUNG HUÂN	Nam	03/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,5	8,2	0,00	7,25	7,75	9,50	
127	006	160127	LÝ THỊ HỒNG HUỆ	Nữ	23/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,9	0,00	8,00	6,25	4,75	
128	006	160128	ĐINH THỊ HỒNG HUỆ	Nữ	17/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,3	0,00	8,00	5,75	9,25	
129	006	160129	ĐỖ THU HUỆ	Nữ	13/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,0	0,00	6,25	4,00	2,75	
130	006	160130	NGUYỄN THỊ MINH HUỆ	Nữ	24/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,5	7,5	0,00	7,00	4,50	4,25	
131	006	160131	NGUYỄN THỊ MINH HUỆ	Nữ	14/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,2	0,00	8,00	5,00	5,50	
132	006	160132	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HUỆ	Nữ	13/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,2	0,00	6,75	8,00	6,25	
133	006	160133	CAO ANH HUY	Nam	29/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,1	0,00	7,00	5,75	7,25	
134	006	160134	ĐỖ QUANG HUY	Nam	04/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,4	0,00	6,00	5,00	5,25	
135	006	160135	PHẠM QUANG HUY	Nam	30/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,4	0,00	6,50	6,00	7,75	
136	006	160136	VŨ ĐỨC HUY	Nam	05/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,5	0,00	5,50	5,75	4,75	
137	006	160137	ĐỖ THU HUYỀN	Nữ	29/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,7	0,00	7,25	4,25	2,50	
138	006	160138	LÊ THU HUYỀN	Nữ	01/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,6	0,00	7,00	5,00	5,75	
139	006	160139	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	09/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,0	0,00	6,00	4,50	3,75	
140	006	160140	NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN	Nữ	24/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,4	0,00	6,75	5,00	5,25	
141	006	160141	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	16/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,7	8,2	0,00	7,50	6,50	7,75	
142	006	160142	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	31/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,5	0,00	7,25	6,75	4,25	
143	006	160143	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	10/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,1	0,00	7,75	5,25	5,25	
144	006	160144	NGUYỄN THÚY HUYỀN	Nữ	17/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,0	8,3	0,00	7,75	7,00	7,25	
145	007	160145	PHAN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	17/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,2	0,00	6,75	5,50	4,75	
146	007	160146	TRẦN THU HUYỀN	Nữ	10/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,2	0,00	8,25	7,50	7,25	
147	007	160147	TRIỆU THỊ THU HUYỀN	Nữ	29/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,8	8,4	0,00	7,25	6,50	9,50	
148	007	160148	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	Nam	17/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,7	8,4	0,00	6,75	8,25	9,00	
149	007	160149	NGUYỄN HUY HÙNG	Nam	17/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,1	0,00	6,50	6,25	9,00	
150	007	160150	PHÍ MẠNH HÙNG	Nam	01/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,5	0,00	6,50	4,50	8,50	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
151	007	160151	TA HUY HÙNG	Nam	06/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	6,8	0,00	5,25	5,00	7,00	
152	007	160152	NGUYỄN THÀNH HUNG	Nam	19/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,9	8,5	0,00	8,00	7,25	6,50	
153	007	160153	BÙI LAN HƯƠNG	Nữ	16/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,7	1,00	7,25	5,75	7,75	CTB2;
154	007	160154	CAO LÊ MAI HƯƠNG	Nữ	12/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,7	7,3	0,00	7,25	5,50	6,50	
155	007	160155	KIỀU THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	20/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,2	0,00	7,00	4,25	3,00	
156	007	160156	LÊ THỊ THU HƯƠNG	Nữ	26/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,4	0,00	6,75	4,50	7,00	
157	007	160157	NGUYỄN ĐẶNG QUỲNH HƯƠNG	Nữ	29/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,5	0,00	6,00	4,00	5,00	
158	007	160158	NGUYỄN NGOC LIÊN HƯƠNG	Nữ	20/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,1	0,00	6,00	7,25	6,50	
159	007	160159	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	16/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,1	0,00	6,25	4,25	5,25	
160	007	160160	NGUYỄN THỊ MINH HƯƠNG	Nữ	28/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	6,6	0,00	4,75	2,75	2,25	
161	007	160161	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	14/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,8	0,00	7,00	4,50	4,75	
162	007	160162	PHẠM THU HƯƠNG	Nữ	04/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,1	0,00	7,25	8,00	5,00	
163	007	160163	BÙI THỊ THU HUỜNG	Nữ	07/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,1	0,00	7,50	4,25	4,75	
164	007	160164	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Nữ	29/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,2	0,00	8,25	6,00	5,00	
165	007	160165	NGUYỄN THỊ THÚY HUỜNG	Nữ	08/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,0	0,00	7,00	8,75	6,00	
166	007	160166	TRẦN THỊ THU HUỜNG	Nữ	26/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,9	0,00	8,50	5,50	5,75	
167	007	160167	NGUYỄN BÁ KHANH	Nam	26/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	6,6	0,00	7,25	6,25	4,25	
168	007	160168	NGUYỄN THỊ KHANH	Nữ	09/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,2	0,00	7,75	9,25	6,25	
169	008	160169	BÙI LƯƠNG NGỌC KHÁNH	Nữ	13/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,1	0,00	7,75	7,50	5,25	
170	008	160170	LÊ QUANG KHÁNH	Nam	16/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,5	8,0	0,00	8,00	7,25	7,75	
171	008	160171	NGUYỄN ĐỨC KHÁNH	Nam	24/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	7,7	0,00	7,25	6,50	6,00	
172	008	160172	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Nam	01/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,0	0,00	7,25	5,50	6,00	
173	008	160173	DƯƠNG QUANG KHẢI	Nam	22/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,1	8,6	0,00	8,00	6,75	8,75	
174	008	160174	ĐỖ TRUNG KIÊN	Nam	17/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,1	0,00	7,25	2,50	2,50	
175	008	160175	KHÔNG VĂN KIÊN	Nam	15/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,6	5,9	0,00	3,75	2,25	2,75	
176	008	160176	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	16/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,3	0,00	7,75	8,25	8,00	
177	008	160177	NGUYỄN TRỌNG KỶ	Nam	06/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	7,4	0,00	8,25	6,75	5,50	
178	008	160178	BÙI HƯƠNG LAN	Nữ	07/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,8	0,00	8,25	5,75	6,25	
179	008	160179	ĐẶNG THỊ HƯƠNG LAN	Nữ	20/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,1	8,3	0,00	8,50	9,50	6,00	
180	008	160180	ĐẶNG THỊ NGỌC LAN	Nữ	12/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,1	0,00	8,50	4,75	7,50	
181	008	160181	NGUYỄN NGỌC LAN	Nữ	30/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,6	8,7	0,00	8,75	6,00	7,75	
182	008	160182	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN	Nữ	04/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,3	8,1	0,00	7,50	5,50	5,25	
183	008	160183	BÙI MỸ LỆ	Nữ	15/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,7	0,00	7,25	3,75	4,25	
184	008	160184	BÙI NGỌC LINH	Nữ	24/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,0	6,6	0,00	7,25	4,75	5,25	
185	008	160185	CAO THỊ THÙY LINH	Nữ	05/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,4	0,00	6,50	3,50	2,25	
186	008	160186	CHỦ LÊ HÀ LINH	Nữ	19/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,6	8,2	0,00	8,50	5,50	5,25	
187	008	160187	CHỦ QUANG LINH	Nam	24/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,0	0,00	6,75	3,00	3,75	
188	008	160188	DƯƠNG KHÁNH LINH	Nữ	20/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,8	8,7	0,00	7,75	6,25	8,00	
189	008	160189	HÁN THỊ LINH	Nữ	05/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,6	8,4	0,00	7,75	6,50	5,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
190	008	160190	HOÀNG KHÁNH LINH	Nữ	20/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,0	0,00	8,75	8,25	7,50	
191	008	160191	NGÔ THỊ THUY LINH	Nữ	11/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,4	0,00	7,50	8,00	8,00	
192	008	160192	NGUYỄN ĐIỀU LINH	Nữ	16/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,7	0,00	8,00	5,00	5,00	
193	009	160193	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG LINH	Nữ	22/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,0	8,8	0,00	5,75	6,50	4,50	
194	009	160194	NGUYỄN NHẬT LINH	Nữ	10/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,1	0,00	7,75	7,00	6,00	
195	009	160195	NGUYỄN THỊ HỒNG LINH	Nữ	17/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,4	0,00	6,75	2,75	6,25	
196	009	160196	NGUYỄN THỊ THUY LINH	Nữ	05/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,1	0,00	8,25	5,25	5,75	
197	009	160197	NGUYỄN THỊ THUY LINH	Nữ	16/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,5	8,2	0,00	7,75	4,25	5,75	
198	009	160198	PHẠM THỊ THUY LINH	Nữ	04/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,7	0,00	6,00	4,00	1,50	
199	009	160199	PHẠM THUY LINH	Nữ	11/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,4	0,00	8,00	2,75	3,00	
200	009	160200	TRẦN NGỌC LINH	Nữ	08/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,2	0,00	7,75	6,50	4,50	
201	009	160201	TRIỆU PHƯƠNG LINH	Nữ	06/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,0	7,8	0,00	7,75	4,50	6,75	
202	009	160202	TRIỆU THỊ MỸ LINH	Nữ	24/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,1	6,0	0,00	6,25	3,75	2,25	
203	009	160203	TRIỆU THỊ THUY LINH	Nữ	30/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,8	0,00	6,50	6,00	7,50	
204	009	160204	HÀN THỊ HUYỀN LOAN	Nữ	04/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,2	0,00	7,25	4,75	5,75	
205	009	160205	BÙI NAM LONG	Nam	17/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	6,9	0,00	7,75	3,75	6,50	
206	009	160206	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	07/07/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh	Kinh	Tốt	Khá	15,7	7,6	0,00	7,25	4,00	5,75	
207	009	160207	NGUYỄN TRỌNG BẢO LONG	Nam	24/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,5	0,00	8,00	5,25	7,75	
208	009	160208	NGUYỄN VĂN LONG	Nam	06/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,0	5,6	0,00	5,00	4,50	4,00	
209	009	160209	NGUYỄN KHẮC LỘC	Nam	01/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,1	0,00	6,25	2,75	7,75	
210	009	160210	CHỦ TRỌNG LUẬT	Nam	26/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	6,9	0,00	7,00	3,50	3,50	
211	009	160211	NGUYỄN HỒNG LƯƠNG	Nam	15/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,6	1,00	7,25	6,75	6,25	CTB2;
212	009	160212	NGUYỄN TIỀN LƯƠNG	Nam	21/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,1	0,00	7,00	5,50	6,00	
213	009	160213	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	Nam	07/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,9	5,8	0,00	6,00	3,25	1,75	
214	009	160214	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	Nam	17/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	16,0	7,6	0,00	6,50	4,50	5,50	
215	009	160215	TRẦN NGỌC LƯƠNG	Nam	10/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	6,8	0,00	7,25	6,00	8,00	
216	009	160216	ĐẶNG KHÁNH LY	Nữ	03/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,6	0,00	8,50	9,25	8,25	
217	010	160217	HOÀNG KHÁNH LY	Nữ	11/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,7	8,7	0,00	8,00	8,75	10,00	
218	010	160218	LÊ KHÁNH LY	Nữ	07/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,0	0,00	6,50	4,25	3,50	
219	010	160219	TRẦN HẠNH LY	Nữ	22/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,3	6,9	0,00	6,50	2,50	3,00	
220	010	160220	NGUYỄN HƯƠNG LÝ	Nữ	12/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,0	7,2	0,00	8,00	3,00	4,25	
221	010	160221	NGUYỄN THỊ MINH LÝ	Nữ	05/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,6	7,8	0,00	8,00	6,00	8,25	
222	010	160222	BÙI NGỌC MAI	Nữ	01/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,8	0,00	6,50	6,25	5,00	
223	010	160223	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	09/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,4	8,6	0,00	7,50	6,75	9,00	
224	010	160224	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	29/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,6	8,3	0,00	8,50	8,25	7,50	
225	010	160225	VŨ DƯƠNG XUÂN MAI	Nữ	28/04/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,1	0,00	8,00	4,75	5,00	
226	010	160226	BÙI ĐỨC MẠNH	Nam	09/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,0	0,00	7,75	5,75	8,00	
227	010	160227	BÙI TIỀN MẠNH	Nam	28/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,0	0,00	6,50	6,50	7,25	
228	010	160228	CAO QUANG MẠNH	Nam	12/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,3	0,00	5,75	4,00	6,25	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
229	010	160229	HOÀNG XUÂN MẠNH	Nam	10/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,1	0,00	7,25	5,75	7,50	
230	010	160230	LÊ ĐỨC MẠNH	Nam	07/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,7	8,1	0,00	7,00	7,25	7,00	
231	010	160231	NGUYỄN TIỀN MẠNH	Nam	07/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,9	8,6	0,00	7,25	6,00	8,50	
232	010	160232	TA TIỀN MẠNH	Nam	02/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,4	0,00	7,00	3,25	4,00	
233	010	160233	ĐỖ THỊ MÂY	Nữ	27/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,4	0,00	6,50	5,75	5,25	
234	010	160234	TRIỆU MÃN	Nữ	24/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,0	8,7	0,00	8,00	6,00	8,00	
235	010	160235	ĐÀO HOÀNG MINH	Nam	25/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	13,2	6,3	0,00	7,50	4,50	5,75	
236	010	160236	ĐỖ TRẦN TUẤN MINH	Nam	23/10/2004	Bình Dương	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,5	0,00	6,75	4,75	7,50	
237	010	160237	HOÀNG NHẬT MINH	Nữ	04/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,7	8,4	0,00	6,00	5,75	6,50	
238	010	160238	NGÔ THANH MINH	Nữ	25/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,0	0,00	8,75	9,50	5,25	
239	010	160239	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG MINH	Nam	31/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,0	0,00	6,50	7,00	6,25	
240	010	160240	NGUYỄN KHẮC MINH	Nam	18/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,8	0,00	7,00	5,75	5,00	
241	011	160241	NGUYỄN VĂN MINH	Nam	29/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	6,7	0,00	8,00	2,75	7,25	
242	011	160242	PHẠM THỊ HỒNG MINH	Nữ	31/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,3	0,00	8,75	7,75	6,00	
243	011	160243	LÊ THỊ TRÀ MY	Nữ	19/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,6	7,6	0,00	8,75	6,00	2,50	
244	011	160244	NGUYỄN HÀ MY	Nữ	12/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,8	8,5	0,00	7,50	6,25	9,00	
245	011	160245	BÙI THANH NA	Nữ	05/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,7	0,00	8,25	5,50	4,50	
246	011	160246	ĐỖ PHƯƠNG NAM	Nam	09/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	6,9	0,00	6,75	3,25	2,75	
247	011	160247	HOÀNG TRỌNG NAM	Nam	19/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	6,8	0,00	7,25	4,50	6,25	
248	011	160248	NGUYỄN DUY NAM	Nam	08/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,2	0,00	7,25	3,50	4,25	
249	011	160249	NGUYỄN DUY NAM	Nam	15/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,0	0,00	8,25	3,50	7,00	
250	011	160250	NGUYỄN HÀ NAM	Nam	18/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	6,6	0,00	7,50	5,75	7,75	
251	011	160251	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	10/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,6	0,00	7,75	5,00	7,75	
252	011	160252	NGUYỄN KHẮC NAM	Nam	04/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,3	0,00	7,25	3,75	6,25	
253	011	160253	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	12/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,8	8,9	0,00	7,75	8,75	8,25	
254	011	160254	THẠCH XUÂN NAM	Nam	13/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	6,5	0,00	5,50	7,75	6,25	
255	011	160255	TRẦN HOÀI NAM	Nam	23/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,5	7,5	0,00	8,25	7,25	8,00	
256	011	160256	VŨ HẢI NAM	Nam	24/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,4	7,6	0,00	8,25	5,50	6,50	
257	011	160257	NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	Nữ	19/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,2	8,4	0,00	8,25	4,50	8,00	
258	011	160258	VŨ THỊ NGÀ	Nữ	08/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	6,7	0,00	8,00	4,75	4,25	
259	011	160259	BÙI THỊ THANH NGÀ	Nữ	06/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,2	0,00	8,75	6,25	8,00	
260	011	160260	LÊ THỊ KIM NGÂN	Nữ	10/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,0	8,0	0,00	8,00	5,25	7,75	
261	011	160261	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	Nữ	22/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	8,0	0,00	7,75	4,00	5,25	
262	011	160262	NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	Nữ	20/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,3	0,00	7,00	4,50	6,25	
263	011	160263	TRẦN THỊ KIM NGÂN	Nữ	06/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,8	7,8	0,00	8,75	4,75	8,00	
264	011	160264	CHŨ THỊ NGÂN	Nữ	14/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,6	7,8	0,00	8,75	5,75	6,50	
265	012	160265	PHẠM ĐỨC NGHĨA	Nam	31/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,4	8,3	0,00	6,00	6,75	9,75	
266	012	160266	BÙI BẢO NGỌC	Nữ	08/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,7	8,6	0,00	7,75	9,75	7,25	
267	012	160267	BÙI HỒNG NGỌC	Nữ	01/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	7,7	0,00	8,25	6,25	8,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
268	012	160268	BÙI LINH NGOC	Nữ	22/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,8	8,1	0,00	7,25	7,25	4,75	
269	012	160269	CAO THỊ ÁNH NGOC	Nữ	27/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,0	0,00	7,25	5,25	6,25	
270	012	160270	HÀ MINH NGOC	Nam	15/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,0	0,00	6,00	5,50	7,75	
271	012	160271	NGUYỄN HỒNG NGOC	Nữ	05/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,2	0,00	6,00	5,00	4,25	
272	012	160272	NGUYỄN MINH NGOC	Nữ	13/05/2004	Hà Nội	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,2	0,00	7,25	6,75	8,00	
273	012	160273	NGUYỄN THỊ ÁNH NGOC	Nữ	25/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,0	7,7	0,00	6,75	4,00	5,50	
274	012	160274	NGUYỄN THỊ NINH NGOC	Nữ	03/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	6,9	0,00	6,50	5,75	3,50	
275	012	160275	NGUYỄN TRIỆU NGOC	Nữ	04/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,4	0,00	5,75	6,00	4,00	
276	012	160276	TRẦN BÍCH NGOC	Nữ	26/10/2004	Lào Cai	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,3	0,00	5,25	4,25	5,00	
277	012	160277	TRẦN HỒNG NGOC	Nữ	27/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,1	0,00	6,25	4,50	8,00	
278	012	160278	TRẦN THỊ BÍCH NGOC	Nữ	19/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,1	0,00	7,25	5,25	6,25	
279	012	160279	TRẦN THỊ HỒNG NGOC	Nữ	23/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	6,5	0,00	5,00	2,00	1,75	
280	012	160280	TRIỆU HỒNG NGOC	Nữ	28/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	8,1	0,00	6,25	6,75	6,00	
281	012	160281	BÙI PHƯƠNG NGUYỄN	Nam	20/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,7	8,1	0,00	6,50	4,75	5,50	
282	012	160282	TẠ MINH NGUYỄN	Nam	01/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,5	7,5	0,00	6,00	4,00	7,25	
283	012	160283	TRẦN THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	07/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,6	8,4	0,00	6,50	5,75	8,75	
284	012	160284	TRẦN THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	03/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,0	0,00	7,25	5,75	6,00	
285	012	160285	LÊ THỊ NHÀN	Nữ	10/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	7,5	0,00	7,00	2,50	7,25	
286	012	160286	ĐỖ THỊ YẾN NHI	Nữ	27/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,5	6,5	0,00	4,50	2,50	2,75	
287	012	160287	QUÁCH YẾN NHI	Nữ	20/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,2	0,00	7,50	6,75	5,25	
288	012	160288	TẠ LAN NHI	Nữ	04/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,7	8,5	0,00	7,25	7,75	5,25	
289	013	160289	TRIỆU HÀ THẢO NHI	Nữ	23/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,0	8,3	0,00	8,00	8,25	7,00	
290	013	160290	BÙI THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	20/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	6,9	0,00	8,00	4,75	4,75	
291	013	160291	CHỬ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	11/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,0	0,00	8,75	8,00	6,00	
292	013	160292	ĐINH THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	05/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,1	0,00	8,50	5,50	6,25	
293	013	160293	NGÔ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	17/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,5	0,00	8,00	4,75	5,25	
294	013	160294	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	04/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,3	0,00	8,00	7,75	2,50	
295	013	160295	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	25/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	16,1	7,8	0,00	9,00	5,50	7,75	
296	013	160296	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	17/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,1	0,00	8,00	5,00	5,00	
297	013	160297	HOÀNG CÔNG NINH	Nam	16/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,3	0,00	7,00	7,00	5,75	
298	013	160298	LÊ KIM OANH	Nữ	16/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,7	0,00	9,00	4,00	6,00	
299	013	160299	LƯƠNG KIM OANH	Nữ	13/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,4	0,00	7,50	3,75	6,50	
300	013	160300	KHÔNG VĂN PHI	Nam	20/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	13,4	6,3	0,00	7,25	2,75	5,00	
301	013	160301	LÊ MINH PHI	Nam	01/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,2	0,00	7,25	4,50	4,00	
302	013	160302	PHÙNG DUY PHÚ	Nam	13/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,8	7,7	0,00	7,50	5,00	6,50	
303	013	160303	BÙI ĐỨC PHÚC	Nam	11/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,3	6,9	0,00	6,25	6,50	5,75	
304	013	160304	BÙI TIỀN PHÚC	Nam	26/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	6,6	0,00	7,25	3,50	5,50	
305	013	160305	HÀN THỊ HỒNG PHÚC	Nữ	04/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,9	8,3	0,00	8,00	5,50	6,50	
306	013	160306	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	Nam	19/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	6,9	0,00	6,50	4,50	5,25	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
307	013	160307	BÙI BÍCH PHƯƠNG	Nữ	20/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,1	0,00	6,50	4,00	5,75	
308	013	160308	BÙI THỊ PHƯƠNG	Nữ	10/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,9	7,1	0,00	8,50	3,50	4,00	
309	013	160309	ĐẶNG THU PHƯƠNG	Nữ	22/12/2004	Hà Giang	Dao	Tốt	Khá	14,3	7,7	0,50	7,50	4,75	3,50	DT;
310	013	160310	LÊ THU PHƯƠNG	Nữ	10/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,8	0,00	7,50	6,75	6,75	
311	013	160311	NGUYỄN ANH PHƯƠNG	Nữ	15/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,6	0,00	7,25	5,75	7,25	
312	013	160312	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Nữ	02/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,1	8,5	0,00	8,50	8,00	7,50	
313	014	160313	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	13/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,0	8,2	0,00	8,25	8,50	8,00	
314	014	160314	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	11/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,7	0,00	8,00	3,50	3,50	
315	014	160315	NGUYỄN THỊ XUÂN PHƯƠNG	Nữ	19/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,0	0,00	8,25	7,50	6,50	
316	014	160316	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Nữ	04/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,3	0,00	7,50	5,50	4,75	
317	014	160317	QUÁCH NAM PHƯƠNG	Nam	15/05/2004	Ninh Thuận	Kinh	Tốt	Khá	15,6	7,7	0,00	7,25	6,25	6,50	
318	014	160318	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	10/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,2	0,00	7,75	5,25	5,00	
319	014	160319	BÙI VIỆT QUANG	Nam	18/06/2004	BV đa khoa khu vực Thủ Đức	Kinh	Tốt	Giỏi	15,0	8,1	0,00	8,00	6,50	5,75	
320	014	160320	PHÙNG ANH QUANG	Nam	24/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	7,7	0,00	7,75	5,50	6,25	
321	014	160321	NGUYỄN HỒNG QUÂN	Nam	30/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	6,5	0,00	7,25	4,50	6,00	
322	014	160322	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	28/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,5	0,00	7,00	5,00	7,00	
323	014	160323	NGUYỄN THỊ THU QUYÊN	Nữ	07/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,4	7,5	0,00	8,25	5,25	2,75	
324	014	160324	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	17/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,7	0,00	7,75	3,75	4,75	
325	014	160325	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	01/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,0	0,00	7,75	8,25	5,50	
326	014	160326	NGUYỄN VŨ NHƯ QUỲNH	Nữ	07/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,1	0,00	7,75	6,50	6,00	
327	014	160327	TẠ THỊ THÚY QUỲNH	Nữ	17/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,9	0,00	7,75	3,75	2,75	
328	014	160328	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	13/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,3	0,00	7,25	4,25	6,50	
329	014	160329	VŨ CHÚC QUỲNH	Nữ	22/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,0	0,00	8,00	8,75	7,75	
330	014	160330	NGUYỄN ĐỨC SAN	Nam	29/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,5	0,00	8,00	7,50	7,75	
331	014	160331	BÙI THỊ HỒNG SINH	Nữ	16/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,0	0,00	8,50	3,50	6,25	
332	014	160332	ĐẶNG CÔNG TIẾN SƠN	Nam	08/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,7	7,7	0,00	7,75	6,25	7,50	
333	014	160333	HÀ NGUYỄN SƠN	Nam	01/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,1	6,5	0,00	6,75	6,00	7,75	
334	014	160334	NGUYỄN HỒNG SƠN	Nam	01/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,5	8,0	0,00	7,75	6,00	6,00	
335	014	160335	LÊ MINH TÂM	Nam	07/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,4	0,00	3,50	2,00	3,75	
336	014	160336	NGUYỄN AN THANH	Nữ	11/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,2	0,00	7,75	7,25	7,25	
337	015	160337	CAO THỊ HỒNG THAO	Nữ	09/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,4	0,00	6,50	5,00	5,00	
338	015	160338	ĐỖ TRUNG THÀNH	Nam	24/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,5	0,00	6,50	5,50	7,50	
339	015	160339	NGUYỄN HỒNG THÁI	Nam	19/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,0	8,5	0,00	7,50	7,75	8,25	
340	015	160340	TRIỆU HOÀNG THÁI	Nam	25/05/2004	BV Đa khoa KV Thủ Đức	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,1	0,00	6,00	3,00	2,75	
341	015	160341	BÙI THỊ THANH THẢO	Nữ	03/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	6,9	0,00	6,25	2,00	3,50	
342	015	160342	HÀ THU THẢO	Nữ	23/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,0	0,00	8,00	5,75	6,75	
343	015	160343	NGUYỄN HƯƠNG THẢO	Nữ	01/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,4	0,00	7,00	4,50	3,00	
344	015	160344	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	17/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,7	8,7	0,00	8,50	8,50	7,75	
345	015	160345	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	15/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,2	0,00	8,25	5,50	8,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
346	015	160346	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	30/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,3	0,00	5,75	5,00	3,25	
347	015	160347	PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	14/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,4	0,00	7,50	9,25	7,25	
348	015	160348	TA THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	01/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,4	0,00	6,75	5,75	6,75	
349	015	160349	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	01/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	8,0	0,00	6,00	4,75	5,25	
350	015	160350	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	08/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,9	8,7	0,00	8,50	7,50	6,25	
351	015	160351	BÙI MẠNH THẮNG	Nam	26/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,5	8,1	0,00	7,25	4,75	7,75	
352	015	160352	BÙI VIỆT TOÀN THẮNG	Nam	29/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	6,9	0,00	7,00	3,75	7,25	
353	015	160353	ĐẶNG ĐỨC THẮNG	Nam	21/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,0	0,00	6,50	4,00	7,25	
354	015	160354	LUYỆN ĐÌNH THẮNG	Nam	02/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,7	8,2	0,00	7,50	6,75	6,00	
355	015	160355	ĐẶNG XUÂN THỊNH	Nam	24/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	6,9	0,00	6,25	3,00	2,00	
356	015	160356	ĐỖ THỊ KIM THOA	Nữ	13/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	6,9	0,00	5,75	3,75	2,25	
357	015	160357	NGUYỄN THỊ KIM THOA	Nữ	06/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,0	0,00	7,00	4,25	6,25	
358	015	160358	NGUYỄN THỊ NGỌC THOA	Nữ	30/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,8	0,00	5,00	2,25	4,75	
359	015	160359	NGUYỄN THỊ NGỌC THOM	Nữ	06/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,0	8,0	0,00	7,50	5,25	6,50	
360	015	160360	BÙI ĐỨC THUẬN	Nam	14/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,1	0,00	6,75	5,00	6,50	
361	016	160361	BÙI THỊ THU THÙY	Nữ	18/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,1	0,00	8,50	8,00	8,25	
362	016	160362	NGUYỄN MINH THÙY	Nữ	03/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,3	8,7	0,00	8,00	8,25	8,50	
363	016	160363	BÙI THỊ KIM THÚY	Nữ	19/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	6,8	0,00	7,00	3,25	3,50	
364	016	160364	BÙI THỊ MINH THÚY	Nữ	06/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,3	0,00	7,50	5,25	6,50	
365	016	160365	NGUYỄN THANH THÚY	Nữ	20/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,1	8,3	0,00	8,50	5,25	8,00	
366	016	160366	KHÔNG THỊ THỦY	Nữ	25/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,3	0,00	7,75	3,25	5,00	
367	016	160367	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	18/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,6	0,00	7,50	7,25	6,00	
368	016	160368	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	25/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,5	8,2	0,00	7,75	5,25	5,75	
369	016	160369	HOÀNG MINH THỨC	Nam	22/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,3	0,00	8,25	4,25	7,00	
370	016	160370	KIỀU MẠNH TIẾN	Nam	18/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,1	8,5	0,00	7,75	6,50	9,00	
371	016	160371	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	Nam	13/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,0	0,00	7,00	5,00	8,00	
372	016	160372	NGUYỄN MINH TIẾN	Nam	11/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,0	0,00	7,50	4,75	9,00	
373	016	160373	HOÀNG VIỆT TIỆP	Nam	17/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,3	0,00	8,00	5,00	7,75	
374	016	160374	BÙI HỮU TOÀN	Nam	20/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,5	6,2	0,00	6,50	2,00	3,25	
375	016	160375	NGUYỄN THÁI TOÀN	Nam	23/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,4	7,7	0,00	7,25	6,75	7,50	
376	016	160376	BÙI HUYỀN TRANG	Nữ	07/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,6	8,2	0,00	7,75	5,50	9,00	
377	016	160377	BÙI THÙY TRANG	Nữ	17/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,4	0,00	8,50	9,25	8,00	
378	016	160378	CAO THỊ THU TRANG	Nữ	16/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,2	0,00	7,50	5,50	6,75	
379	016	160379	CHU HUYỀN TRANG	Nữ	12/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,8	8,1	0,00	7,75	8,25	7,00	
380	016	160380	HOÀNG THỊ THÙY TRANG	Nữ	13/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	8,0	0,00	7,75	6,00	3,75	
381	016	160381	LÊ HUYỀN TRANG	Nữ	07/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,1	8,5	0,00	7,75	7,00	6,75	
382	016	160382	NGUYỄN HÀ TRANG	Nữ	28/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,7	0,00	8,50	7,25	6,50	
383	016	160383	NGUYỄN LINH TRANG	Nữ	01/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,3	8,0	0,00	8,00	7,00	6,25	
384	016	160384	NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG	Nữ	15/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,5	8,0	0,00	8,25	6,25	4,50	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
385	017	160385	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	08/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,1	0,00	7,25	5,75	6,25	
386	017	160386	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG	Nữ	07/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,1	0,00	7,00	8,75	7,75	
387	017	160387	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	27/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,2	8,6	0,00	7,50	5,25	6,50	
388	017	160388	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	29/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	18,1	8,5	0,00	8,25	7,50	9,50	
389	017	160389	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	19/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,6	0,00	8,00	8,00	4,00	
390	017	160390	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	23/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,7	0,00	3,50	4,00	2,25	
391	017	160391	PHAN KIỀU TRANG	Nữ	16/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,1	0,00	7,00	8,75	6,00	
392	017	160392	TRIỆU NGOC TRANG	Nữ	28/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,3	0,00	6,25	3,75	3,25	
393	017	160393	TRẦN THỊ THANH TRÀ	Nữ	18/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,8	0,00	7,50	5,50	7,50	
394	017	160394	THẠCH QUANG TRIỀU	Nam	19/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	7,9	0,00	7,25	6,25	8,50	
395	017	160395	NGUYỄN NGOC TRIỂN	Nam	05/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,7	0,00	6,75	6,00	7,00	
396	017	160396	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	29/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,3	8,1	0,00	7,25	9,25	7,75	
397	017	160397	ĐÀO HOÀNG TRỌNG	Nam	12/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,5	0,00	8,00	9,25	8,00	
398	017	160398	NGUYỄN VĂN TRỌNG	Nam	07/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,6	0,00	7,75	8,25	3,75	
399	017	160399	TRIỆU VĂN TRUNG	Nam	16/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,4	0,00	6,25	7,50	7,25	
400	017	160400	NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	Nam	25/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,4	0,00	6,75	4,25	6,00	
401	017	160401	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	Nam	13/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,4	0,00	6,75	6,50	6,00	
402	017	160402	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	Nam	04/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,7	0,00	8,25	9,50	8,00	
403	017	160403	BÙI QUỐC TUẤN	Nam	14/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,0	0,00	7,25	7,50	6,00	
404	017	160404	PHAN ANH TUẤN	Nam	02/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,3	0,00	7,25	7,00	7,75	
405	017	160405	TRẦN HOÀNG ANH TUẤN	Nam	08/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,3	0,00	6,75	8,75	7,50	
406	017	160406	VŨ ANH TUẤN	Nam	08/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,0	0,00	6,25	4,00	5,50	
407	017	160407	VŨ MINH TUẤN	Nam	10/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,4	0,00	7,25	5,50	7,00	
408	017	160408	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	24/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,7	0,00	7,25	4,75	7,25	
409	018	160409	THẠCH ĐỨC TÙNG	Nam	03/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,1	8,4	0,00	7,25	6,50	10,00	
410	018	160410	TRIỆU KHÁNH TÙNG	Nam	15/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,8	5,7	0,00	5,00	3,75	5,50	
411	018	160411	VŨ THANH TÙNG	Nam	09/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	6,6	0,00	6,00	5,25	5,75	
412	018	160412	NGUYỄN ANH TÚ	Nam	01/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,8	0,00	7,00	7,25	5,00	
413	018	160413	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	Nữ	19/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,5	0,00	7,00	5,50	7,50	
414	018	160414	DƯƠNG QUANG ƯỚC	Nam	13/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,0	0,00	7,25	7,00	8,00	
415	018	160415	HOÀNG THẠCH VÂN	Nam	09/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,0	0,00	6,25	5,75	5,25	
416	018	160416	BÙI THANH VÂN	Nữ	11/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,7	0,00	7,50	4,50	8,00	
417	018	160417	NGUYỄN CÔNG VINH	Nam	25/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,2	0,00	5,50	8,25	5,25	
418	018	160418	NGUYỄN NGỌC VŨNG	Nam	20/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,5	0,00	6,25	5,00	5,25	
419	018	160419	BÙI THỊ HƯƠNG VY	Nữ	19/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	16,6	7,9	0,00	7,00	4,25	6,50	
420	018	160420	LÊ VY	Nữ	27/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,1	0,00	5,75	7,00	6,00	
421	018	160421	LÊ HÀ VY	Nữ	18/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,4	0,00	6,50	6,25	8,00	
422	018	160422	NGUYỄN HÀ VY	Nữ	12/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,2	8,6	0,00	6,50	6,50	9,00	
423	018	160423	ĐÀO THANH XUÂN	Nữ	19/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,8	8,8	0,00	7,75	5,25	8,50	

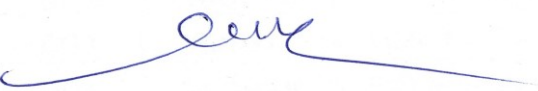
Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
424	018	160424	NGUYỄN HỒNG XUÂN	Nữ	08/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,1	0,00	6,75	3,75	5,50	
425	018	160425	KHÔNG THỊ HẢI YẾN	Nữ	01/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,4	0,00	6,00	6,25	4,75	
426	018	160426	LÊ THỊ HẢI YẾN	Nữ	04/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	7,2	0,00	5,50	3,00	3,00	
427	018	160427	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	22/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,9	7,8	0,00	7,00	6,50	4,50	
428	018	160428	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	12/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,2	0,00	7,50	7,25	6,50	
429	018	160429	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	13/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,1	8,5	0,00	8,00	6,75	7,00	
430	018	160430	VƯƠNG HẢI YẾN	Nữ	11/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,6	0,00	6,75	5,25	6,25	

Bảng này có 430 thí sinh đăng ký dự thi trong đó có:
+ Môn Ngữ văn có: 430 thí sinh dự thi.
+ Môn Tiếng Anh có: 430 thí sinh dự thi.

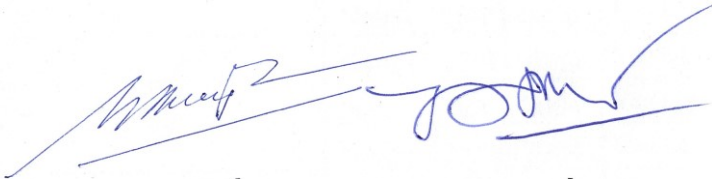
+ Môn Toán có: 430 thí sinh dự thi.

NGƯỜI GHEP ĐIỂM VÀ IN

NGƯỜI ĐỌC VÀ SOÁT BẢN IN



Nguyễn Quốc Hương



Hoàng Lê Tiến Dũng

Phạm Hồng Sơn

Phú Thọ, ngày 13 tháng 6 năm 2019
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Quốc Lập

Phú Thọ, ngày 13 tháng 6 năm 2019

GIÁM ĐỐC


Trịnh Thế Truyền